

Hoàng Văn Chí

Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc

Phần II:

TÀI LIỆU (NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM)

000o000

Chương 1:

Phái cựu học (tiếp theo)

1. Về vụ Giai phẩm mùa Xuân

Lãnh đạo như thế cho nên mới có tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Nói cho tiêu tụi, mấy người viết *Giai phẩm mùa Xuân*, họ vốn không hề cho tôi biết gì cả, nhưng khi tôi đọc thì tôi – có lẽ như tục ngữ nói: voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, tôi biết ngay là vì họ bất bình với lãnh đạo.

Sáng hôm mùng Một Tết âm lịch năm nay, ông Tố Hữu đến chơi trụ sở Hội Văn nghệ. Giữa anh em đồng, ông hỏi ý kiến tôi về tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Tôi nói trong đó chỉ có bài thơ của Trần Dần nói lời thôi, có hơi không lợi; còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. “Chống công thức”, “quét rác rưởi tư tưởng” là việc chúng ta cần phải làm. Có điều cái gì là công thức, cái gì là tư tưởng rác rưởi, chẳng những nên bảo họ nói rõ ra, mà còn nên bảo họ viết lên báo cho rõ ra. Ông Tố Hữu nói một câu có đồng anh em cùng nghe: “*Giấy mực đâu mà phí để cho họ viết?*”. Thế rồi làm thinh. Tôi làm thinh, nghĩa là tôi trải đời nhiều rồi, tôi tròn lăm rồi, tôi không đại dột đến nỗi đã thế rồi mà còn cứ nói nữa. Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. Sao lại phải làm to chuyện cái chuyện không đáng làm to? Sao lại gọi cho những kẻ hiếu kỳ lén lút tìm mua tập sách ấy 3000 đ một tập mà đọc? Sao lại làm như là sợ nó? Ở Trung Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn nghệ đến thế nào, mà “*Ba sắp tài liệu*” của Hồ Phong vẫn được công bố ra, cả đến cái *Ý kiến thư* của hắn cũng được công bố ra, chẳng ai hề sợ.

Thế rồi một ngày xuân mới, ánh mặt trời ấm áp, tối lại, có mấy hạt mưa phùn để giúp cho những cây rụng lá mùa đông nứt lộc ra, thì ở trụ sở Hội Văn nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà ký thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi tội đọc một Trần Dần thôi, là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hoá lũ người trong *Giai phẩm*, cái ngón ấy đã thành công. Hết thấy có độ một trăm rưởi người, trong đó có vài chục người đứng lên nói, đại khái giống nhau và kết luận là Trần Dần có tội. Không phải không có những người thấy rằng Trần Dần dù có tội cũng không đến to như thế, nhưng mà họ đã làm thinh.

Tôi nhớ có một vị bất lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ “*Người*” viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ “*Người*” viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ Chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ “*Người*” không phải để xưng Hồ Chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như mình ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rộng rộng, ông Lê Mỗ tổ cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đại, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đại chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn nghệ. Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo *Văn nghệ*, bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta (Báo *Văn nghệ* số 110 ra ngày 17-3-56). Thật cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá. Hồ Phong bên Trung Quốc, còn phải điều tra bao nhiêu năm, công bố “*Ba sắp tài liệu*”, mới vạch mặt hắn là phản cách mạng, là tay sai của Tưởng Giới Thạch được. Tôi lại còn thấy một cái tài liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả tang có một thanh gươm, ở cái nạm có bốn chữ “*Tưởng Trung Chánh tặng*”, ở cái lưỡi có ba chữ “*Đảng Nhân hồn*”. Như thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ một bài thơ mà đã là phản động?

Tuy vậy, Trần Dần còn có phúc hơn cậu cử Nguyễn Thuyên con trai cụ lớn Tiền quân Nguyễn Văn Thành nhiều lắm. Trần Dần với bài thơ hàng hơn năm trăm câu mà chỉ mang tiếng là phản động thôi, không như cậu cử Thuyên, bài thơ chỉ có 56 chữ, ý tứ vu vơ, mà bị chết chém, và còn liên lụy đến anh em, bè bạn, liên lụy đến ông cụ bố phải uống thuốc độc mà chết. Trong chỗ đó, tôi thấy thời đại dân cộng hoà dân chủ rộng rãi đối với văn nghệ hơn thời đại chuyên chế triều Gia Long rất nhiều. Cuối cùng, ông Nguyễn Đình Thi, thư ký toà soạn báo *Văn nghệ* viết liên tiếp ba bài đại ca sa phê bình tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Sau khi ba số báo in ra xong, ông Thi đưa cả cho tôi xem và hỏi ý kiến tôi đối với ba bài ấy.

Đọc xong sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn đề. Vấn đề *Giai phẩm* là vấn đề lãnh đạo, chứ không phải vấn đề quần chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn nghệ có thể nào cho nên quần chúng văn nghệ mới bất bình mà phát biểu ra như thế. Ví dầu trong sự phát triển của họ có làm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy người viết trong *Giai phẩm*, thế là không công bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nén, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết.

Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn Đình Thi, đến chỗ ông nói mấy người trong *Giai phẩm* là “*cả vú lấp miệng em*”, làm tôi nhớ lại một vài chuyện cũ mà tủm tỉm cười một mình. Năm 1920, tôi làm thư ký kiêm kế toán cho công ty Bạch Thái ở Hải phòng, tôi thấy ông Bạch Thái Bưởi bóc lột công nhân làm tàu của ông rõ ràng, thế mà một hôm ông chỉ vào mặt các anh làm tàu mà nói rằng: “Chính chúng mày bóc lột tao”; năm 1930 hay 1931 gì đó, tôi viết báo ở Sài Gòn, biết thực dân Pháp khủng bố cộng sản dã man hết sức, thế mà trên báo Tây, chúng gọi Xô viết Nghệ An là “khủng bố đỏ” (*terreur rouge*). Nghề thế, hễ mình muốn người khác đừng nói đến cái tật xấu của mình, thì mình đem ngay cái tật xấu ấy đổ trên đầu người khác để đấm họng họ cho câm đi. Chính ông Nguyễn Đình Thi “*cả vú lấp miệng em*” cho nên ông báo trước rằng bọn Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt là “*cả vú lấp miệng em*”. Thực ra thì bọn này có “*vú*” đâu mà “*cả*”, vả lại họ cũng không có ai là “*em*” họ hết.

2. Về vụ giải thưởng văn học 1954-1955

Sau khi giải thưởng này tuyên bố, ở đâu thì không biết, chứ ở Hà Nội, dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải. Nói như thế, có thể bị coi là nói vu vơ, không có bằng chứng. Nhưng muốn có bằng chứng cũng không thể có được, vì cả nước chỉ có một tờ báo *Văn nghệ* có thể đăng những bài phê bình văn nghệ, mà là của Hội Văn nghệ, thứ dư luận ấy có muốn phát biểu cũng không phát biểu vào đâu. Tuy vậy, bằng chứng cũng không phải toàn không có. Đạo trước, tờ *Trăm hoa* có ba bài của ba người công kích tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu, nhưng khốn nỗi, nó ra đến bài thứ ba thì nó chết. Dù vậy, tôi thấy dư luận ấy là quả có, chẳng tin, ai thử làm một cuộc trưng cầu ý kiến mà xem.

Chính tôi là một người ở trong Ban Chung khảo chấm giải, tôi đã biểu đồng tình với thứ dư luận ấy trước khi nó xôn xao, nghĩa là trước khi tuyên bố kết quả giải thưởng. Ban Chung khảo có mười người, tôi là một. Tôi quên lửng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận được giấy triệu tập thì cứ di dự vào, làm việc, lãnh tiền thù lao, nhưng khi việc xong thì tôi đâm ra trách mình một cách bâng quơ: phải chi mình đừng dự vào đó thì hay. Tác phẩm của mỗi ngành trong văn học, như thơ, tiểu thuyết, kịch bản... sau khi chuyển cho nhau đọc rồi, về mỗi ngành có một buổi họp toàn ban để bình định thứ bậc. Trong khi bình định, hễ đồng ý với nhau thì thôi, bằng có mâu thuẫn thì biểu quyết bằng lối giơ tay, “*thiếu số phục tùng đa số*”.

Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập *Ngôi sao* đứng giải nhì, tôi nói: có vớt vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba. Tôi cử ra những câu bí hiểm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong Ban chung khảo) bảo rằng đó là tại tôi “muốn” không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi “muốn” làm sao được? Theo lẽ, ông Huy Cận nếu bình vực cho *Ngôi sao* thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi “muốn” không hiểu? Nhưng cả ban làm thinh, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay trở kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì bao lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hiệu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn cản lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu

này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu, thật như đức Khổng tử đã dạy rằng: “Ngựa tứ chẳng kịp lười”. Cũng vì tôi nên có sự mâu thuẫn, phải biểu quyết, thì tôi đứng về thiếu số, mà nhớ hình như thiếu số tuyệt đối.

Hôm khác bình định về tiểu thuyết. Tôi phản đối *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng đứng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết luận rằng cái tiểu thuyết này nhiều chỗ không giống với sự thực, trái với chủ nghĩa hiện thực bước thứ nhất, nếu nó được giải cao thì khi ngoại quốc dịch nó ra, nhất là khi bên dịch đọc nó, bất lợi cho văn học của chúng ta. Cả ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt nhiên không có một người nào bác lại tôi, nhưng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi vẫn đứng về thiếu số, và lại là thiếu số tuyệt đối. Đến khi việc đã xong rồi, Ban Chung khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp được hai tác phẩm về ký sự, đều đứng giải ba, có thông tri bảo đọc và cho ý kiến. Tôi thấy cái *Nam bộ mến yêu* của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy như bài đăng trên báo, không có gì là giá trị văn học, còn cái *Lên công trường* của Hồng Hà viết có công phu hơn. Tôi nhớ ra mình đã từng hạ hai tác phẩm của hai ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng xuống mà không được, bây giờ không còn có đủ sức bướng để mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một mẫu giấy đề nghị đưa *Lên công trường* lên giải nhì. Nhưng mẫu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

Sau có một buổi họp giữa những người chấm giải với những người được giải. Đáng lẽ, một buổi họp như thế, thế nào Ban chấm giải cũng phải gọi cho những người được giải có thắc mắc gì thì nói ra. Bởi vì bây giờ không phải như thời phong kiến chấm trường thi, quan trường ăn tiền lấy đồ bậy bạ rồi ai rớt nấy chịu. Nhưng mà không thấy đã động gì đến việc ấy. Gần rốt buổi họp tôi mới đề nghị xin cho nói thắc mắc. Thế rồi có mấy người nói thắc mắc của họ. Cuối cùng tôi cũng đưa ra thắc mắc của tôi về cái sự hai lần bị đứng về thiếu số như đã nói trên. Tôi nói quả quyết rằng mặc dầu tôi đứng về thiếu số, chứ cái sự định đoạt ấy của đa số, tôi cho là không đúng, tôi nhất định không phục. Trong những người được giải, có một người đứng lên phát biểu ý kiến, lấy làm lạ rằng sao trong Ban Chung khảo không nhất trí với nhau, xong việc rồi lại còn có người đưa ra thắc mắc? Tan buổi họp, tôi nghĩ mà cũng lấy làm lạ rằng sao cái ông lấy làm lạ đó lại không ở trong Ban Chung khảo?

Đến hôm phát giải thưởng ở Câu lạc bộ Đoàn kết, ban tổ chức đề nghị tôi làm một người trao giải. Tôi từ chối. Tôi sợ rằng trong khi trao giải hoặc rùi mà tôi gặp phải trao ba cái giải mà mình phản đối thì khổ cho mình. Khi tuyên bố ba cái giải mà tôi phản đối ấy tôi nhất định không vỗ tay. Tôi nhất định tỏ thái độ phản đối đến cùng. Hôm thượng tuần tháng 6, tôi nằm trong Bệnh viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ *Người chiến sĩ* của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá, tôi bèn mượn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó được giải ba văn học. Tập thơ này, tôi ở trong Ban Chung khảo chưa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận được thông tri nói nó nguyên ở giải khuyến khích, nay tương lên giải ba. Ai tương lên? Thế có lạ không? Ban Chung khảo theo đề nghị của ông Xuân Diệu, sau khi tuyên bố giải thưởng, phải làm nhiều cách tuyên truyền cổ động rầm rộ cho các tác phẩm được giải, và đã cắt cử người nào viết bài phê bình cho tác phẩm nào. Lâu mà không thấy mấy người viết. Tình cờ tôi hỏi một ông, ông trả lời: “*Khó viết quá*”. Câu trả lời đúng hết sức: lấy nó trúng giải thì dễ, chứ viết để tuyên truyền cổ động cho nó thì phải khó.

Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê bình trên báo *Văn nghệ*. Một bài ông Hoàng Xuân Nhị (một trong Ban Chung khảo) phê bình *Truyện anh Lục*, đọc giả không lấy làm mãn nguyện, có người đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô phạm hiền lành của một vị giáo sư đại học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết để bình vực cho *Ngôi sao* mà bình vực một cách gắng gượng quá, nhất là yếu, không hề chống cãi lại những chỗ đã kích trong ba bài của báo *Trăm hoa*. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của *Trăm hoa* mà ông không hề nhắc tới *Trăm hoa* lấy một tiếng, ông cố chìm nó xuống cũng như Phạm Quỳnh đã chìm báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế. Nếu không chìm thì là ông khinh, cũng như Phạm Quỳnh đã khinh báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế.

Về vụ này, có một điều, người ngoài không phải là tôi, không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong Ban Chung khảo. Nếu chỉ ở trong Ban Chung khảo mà thôi, còn khá; thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong Ban Sơ khảo nữa. Sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy vẫn có được cắt cử cũng phải “hồi tị”, không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không “hồi tị”: một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã “liêm chính” cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái “miệng” đã bị “vú lấp”.

Người ta cứ sợ “bên địch xuyên tạc”. Sao trong việc này không sợ? Nó cần gì phải xuyên tạc? Đọc mấy tác phẩm được giải thưởng này, tha hồ cho nó đánh giá văn học miền Bắc.

Gọi là phê bình, chỉ có thế; tôi chỉ trình bày mấy hiện tượng không tốt trong giới văn nghệ. Còn sửa chữa, mong ở Đại hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tùy đó mà sửa chữa.

PHAN KHÔI

(Viết xong ngày 30-7-1956 tại Hà Nội)

* TÌM ƯU ĐIỂM

Lời soạn giả: *Bài này chính thực là của cụ Phan Khôi. Cụ viết bài ngụ ngôn này để chế riếu lối chấm giải thưởng văn nghệ mà cụ đã tả rõ trong bài trên.*

Một đạo, giữa loài dờ cạn dờ nước, mở cuộc thi sắc đẹp. Nhân có sự tranh chấp, ba con: Éch, Cóc, Ęnh ương đấu khẩu với nhau. Tiếng Cóc nhỏ hơn hết, nhưng mà động đến Trời. Trời sai Nhái bén làm trọng tài. Nhái bén từ chối: “*Con nhỏ hơn hết, con không dám có thẩm quyền trên ba chị ấy.*”

Trời phán: “*Chỉ có mày là đồng loại với chúng nó, mày sẽ làm vừa ý ta, không được từ chối.*”

Sau khi cực chẳng đã phải làm trọng tài, Nhái bén tâu kết quả: Ęnh ương giải nhất, Éch giải nhì, Cóc không ở giải nào cả. Trời tỏ dáng không vui, bảo Nhái bén: “*Mày cố hết sức tìm ra ưu điểm Cóc xem.*”

Nhái bén tâu: “*Chị ấy mượt mần khắp cả người, con không tìm ra ưu điểm nào.*”

Trời phán: “*Thôi, cho mày đi về.*”

Mấy hôm sau, có nghị định của Hà Bá sức vè: “*Nhái bén bị đày vĩnh viễn ở dưới nước, không được lên cạn nữa.*” Nhái bén gặp Cá trê, kể cảnh ngộ của mình, Cá trê bảo:

- “*Mày dại lắm. Đi đâu chẳng biết con cóc là cậu ông Trời. Tao đây mà cũng còn thua kiện nó nữa là...*”

(Trích *Giai phẩm mùa Đông*)

* ÔNG BÌNH VÔI

Lời soạn giả: *Ngụ ý của tác giả trong bài này khá rõ ràng: Cụ Phan chê các cán bộ cao cấp, có lẽ cả ông Hồ, càng ngày càng “tôi”. Cụ nói như vậy là vì cụ cho rằng ông Hồ ngày nay không thương nước thương nòi như ông Nguyễn Ái Quốc ngày trước nữa.*

Khắp nước Việt Nam có tục ăn trầu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo như tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đầu bằng đất nung cả, mà một thứ giống như cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thường dùng; một thứ hình tròn mà đít bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhưng mỗi khi cho vôi vào, người ta lại cũng dùng vôi đắp cái miệng nó cho cao lên. Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống, có một cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chìa quẹt vôi nhét vào miệng nó, gọi là “*cho ông bình ăn*”. Và lâu lâu đắp thêm cái miệng nó một lần, hoá nên cái miệng càng ngày càng chêu vêu ra.

Thứ bình vôi thường, dùng chìa bằng tre; nhưng thứ bình vôi sang, bao giờ cũng dùng chìa bằng sắt, ở thân cái chìa, đôi khi lại có đeo một lưỡi dao để rọc trầu. Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ nhớ rút cái chìa ra để ra một nơi khác. Làm như thế, bà tôi cất nghĩa rằng “ông bình” linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm đạo, “ông” sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chìa lấp cái miệng thì không mách được.

Tôi nói “nhà tôi có một cái bình vôi”, không đúng. Nói đúng là từ hồi tôi còn nhỏ cho đến năm tôi hai mươi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba cái bình vôi kế vị nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đắp nên tum hùm lại, không dùng được nữa, phải mua cái khác. Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị: ở giữa là Phúc đức chính thần, hai bên là Thổ công và Táo quân. Hễ cái bình vôi nào bị thải ra thì bà tôi bảo đem đặt lên cái trang ấy, thờ nhân thể. Sự thờ phượng như thế, không phải chỉ riêng một nhà tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thải ra, cũng đều đem đặt trên các tường thành đình hoặc chùa; như thế, người ta cho rằng thờ “ông bình” đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng “ông”, đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nước Việt Nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình được thì gọi bằng “ông”, vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng “ông”. Con cạp ăn thịt mình được, gọi bằng ông Cạp, con khỉ phá hoại hoa màu của mình được, gọi bằng ông Trượng; con chuột, cắn quần áo của mình được, gọi bằng ông Tí. Cái đầu rau, dùng năm mười năm mới thay cái khác, gọi bằng ông Núc; cái che, to, đường kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng ông Che. Người Việt Nam về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hễ vật gì làm hại được hoặc lớn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì đều gọi bằng “ông” để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mới mười tám tuổi, bây giờ tôi xin tự kiểm thảo và thú nhận. Năm tôi mười tám tuổi, tôi không tin như bà nội tôi tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trắng mờ mờ, tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi dọc đường cái làng, đi qua đình vào chùa, bao nhiêu “ông bình vôi” thờ trên tường thành, chúng tôi đều hát một loạt xuống đất cả. Sao lại làm như thế? Chúng tôi cứ làm như thế, không cần có lý luận. Nhưng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tường thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bây giờ bọn thiếu niên chúng tôi hầu như đứa nào cũng có thể làm thế cả. Nếu ngày nay tôi phải tự kiểm thảo thì lũ thiếu niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm thảo như tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cù rữ trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng ông.

Tôi viết cái bài khảo cứu nhỏ này cốt để cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê Đạt:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tội,

Càng sống càng bé lại.

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập II)

* ÔNG NĂM CHUỘT

Lời soạn giả: *Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác giả. Với một câu chuyện vu vơ, cụ Phan muốn nói: **Giai cấp thống trị ở bất cứ thời đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ.***

Hồi tôi còn mười bốn tuổi, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hắn, chỉ thấy nói là người làng Kỳ Lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe hoả gọi là ga Kỳ Lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hắn cũng không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hắn làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đô hộ, như Huế, Đà Nẵng, Hội An.

Họ nói Năm Chuột là thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hắn tổ làm đồ vàng giả, mỗi khi được gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho người ta, nhà chủ dù ngồi cạnh một bên, hắn cũng cứ tráo bạc, tráo đồng vào, lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có, vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhưng không ai dám thuê hắn làm việc gì về cái nghề của hắn cả. Nhiều người còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, “làm giặc” chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng “mười voi không được bát nước xáo” tức là mắng người ấy đã lại nói láo nói phét rồi, có khi chỉ dùng một chữ: *Chuột quá*, tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng, lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế, tôi cũng chỉ nghe làm tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hắn thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo xôi kinh nấu sủi để khoa tới đây đỗ thủ khoa, không thì cũng cử

nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến chuyện một anh thợ bạc. Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú tài – quá lạ, sao lại đỗ tú tài? – về nhà, cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân Đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì vừa có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt trệt, nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm như nguyên không có râu, không phải cạo, người thấp song cũng không thấp lắm, đầu trọc, quần cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sồng. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón lá ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tẩu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi như chào như không phải chào:

- Anh Năm phải?
- Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu:

- Tôi là Năm Chuột đây.

Rồi đột ngột hỏi tôi:

- Nghe nói cậu đậu tú tài mà cậu khóc, có phải không? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống! Tôi bẽn lẽn, ấp úng, cười hì hì không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện. Anh ta có đưa cái dọc tẩu lên, nói với tôi:

- Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tẩu thế này mà cầm trả có 5 đồng bạc.
- Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chẳng?

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng:

- Quan lớn hồi xưa (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng đốc Hà Nội vừa chi, mà không có tiền lợp nỏ cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri phủ có 3 năm về 'chung đường', mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói là không có nhiều tiền?

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách rất xỏ lá, rồi nói tiếp:

- Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây!

Nghe câu này tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vớt vát một ít:

- Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trề rồi, còn bĩu nữa, rất khó coi:

- Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp:

- Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà Nội năm Ngọ, năm Dậu thất thủ kinh đô, Nghĩa hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang tá trong cái đồn ấy. Để làm gì? Cậu có biết không? Để đàn áp Nghĩa hội.

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ, tôi biết cả, nhưng tăng lờ nói:

- Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy?

Anh ta lại cười, nhưng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi:

- Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông minh thật.

Thình lình anh ta nháy mũi dập hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi, cả nước mắt nữa, rồi nói thêm:

- Như tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thầy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.
- Sao vậy?

Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản gia ước, trong đó có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó: cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái gia ước mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thinh.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm lấy tay tôi và nói:

- Tôi nói nãy giờ có làm méch lòng cậu không? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói để làm méch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác. Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, “*À ra Năm Chuột là con người như thế đấy*”. Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo:

- Cái thằng lão đến thế là cùng!
- Nhưng những điều hần nói, con thấy như cũng có cái đúng. Tôi rón rén thưa lại.
- Đúng kia à? Mặc dầu đúng chằng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à?

Thấy thầy tôi nói hơi xẵng, tôi làm thinh. Một chặp tôi mới dịu giọng hỏi:

- Cái gia ước ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không?
- Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bàn (nhà quan thượng Phạm Phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân Tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn, đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình:

- Cái thằng lão quá!

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chùng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà Nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại. Làng tôi có một chỗ gọi là cồn Mũi gươm, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hần vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm, thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phen tre, ngoài ra là cái lò bể bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hần ở trần, ngồi cạnh cái lò bể đang hơ cả người trên lửa. Hần xin lỗi tôi và nói:

- Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước.

Hần mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đòn kê đặt ở đất gần lò bể, chỗ sấm cho bạn hàng ngồi xem hần làm việc. Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bể, bắc ấm nước lên, rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi, cho trà khác vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng:

- Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.
- Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân Đài đến Bảo An.

Anh ta đưa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh:

- Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.

Tôi nói:

- Đã thế thì đến phiên tôi. Trước kia ông không sợ méch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ méch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

- Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bể đến đây làm gì?

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng:

- Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khoá tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.
- Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không? Và ăn cắp như thế nào?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá:

- Thứ ăn cắp mà kể gì? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo An đây thì tôi không thềm.

Rồi anh ta thuật lại chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe:

“Năm Thành Thái thập nhị, ông Nguyễn Hữu Thăng làm Tổng đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hoá Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, lính bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói ‘được’, và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên

vuông lựa Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đâu ra đó, còn vận chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói: 'Bầm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vận ra vận vô của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không?' Cô ta nói: 'Tôi biết, nó là chữ ngọc'. Tôi nói: 'Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn'. Cô ta đồng ý."

Nói đến đây, anh ta nổi ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp.

"Tôi về nhà, cây cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm cho đến cái chữ ở trong đều y hệt như đôi vòng của cô Hoá Mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết..."

Tôi ngắt:

- Đành rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được?
- Ấy thế mới là tài - Anh ta cười híp mắt mà không ra tiếng - Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điếu thuốc anh ta đặng háng một cái, ngồi dậy, cầm dây chuyền trên nhắc nhắc một cái rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu ly đưa cho tôi, nói quả quyết:

- Ông biết mặt cân chứ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên:

- Thế thì tài thật. Xin chịu.

Anh ta lại nói:

- Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể tích thì lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thế mới là khó. Nhưng cái đó có thực hành mới cắt nghĩa được, nói bằng miệng sợ ông cũng không hiểu.

Nghĩ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo:

Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thoả thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lượng hai – tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lượng hai – cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng điệp cả chỗ một lượng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đây vuông lựa trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chia bàn tay có vuông lựa trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sấp lưng đi về chỗ sạp. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lựa từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cho cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lựa có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi:

- 'Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à?'

Tôi nói:

- 'Bầm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin bảo đảm làm thật đúng'.

Cô ta khen:

- 'Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng'.

Bấy giờ chừng mười giờ sáng, tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng điệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vinh Điện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu của bà lớn gửi cho một người anh em đồng đạo. Tôi không quên câu tục ngữ: 'Có gian phải có gian'."

- Ông ăn cấp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cấp nữa? Tôi hỏi.
- Không, tôi đại gì mà ăn cấp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cấp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cấp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngắm nghĩ rồi bảo: 'Tôi là người Hoá Mộc, khắc chữ mộc cho tôi'. Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau để làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hẳn mới không có thể ngờ được là đôi do tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm

cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi đã làm cho hắn đôi vòng thật đó hoá ra là người bắt lương thiện, nhưng ông tính, đã giết người ai còn gớm chầy máu!

- Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không?
- Kể ra cũng không ít. Nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng đốc, Bó chánh, Án sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc nãy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi mách miệng cho người khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người ta cũng như nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu.

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo:

- Ta có nấu sắt được đâu mà đúc súng? Nhưng chữa súng thì có. Hỏi tôi ở Đà Nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loại kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm, mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi:

- Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết?

Anh ta vùng ngồi dậy, cười, ra điều đặc ý, vỗ vào đùi tôi:

- Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn *Kim thạch chí biệt*.

Tôi sững sốt, nghĩ bụng: *té ra anh này còn biết chữ nữa kìa*. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt.

Một hôm khác tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn *Kim thạch chí biệt* không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiếm đường nói trớ, chứ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc *Lỗ Tấn toàn tập*, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học thức viết báo viết biếc, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ê quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà Nội hoặc Sài Gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa. Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nể nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết. Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói: "Tôi chỉ phục có hai người, một là ông Biện Chín, một là ông Tám Thứ."

Ông Tám Thứ, người Minh hương, ở ngụ làng tôi, nghèo chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi. Chú tôi là dân tráng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người cần kiệm liêm chính lại khảng khái nữa, chính tôi, tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi.

Tôi không tham gia ý kiến gì, chứ ngấm ngấm chịu anh ta là biết người, phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người ngoài phi nghị mà mình không biết chẳng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dưng anh ta hỏi tôi:

- Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không?

Tôi lấy làm lạ sao hắn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời:

- Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ Hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoáng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải Phòng gặp Lê Bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự toà án Nha Trang, thầy tôi làm tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái ăm:

- Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao?

“*Thằng cha khó chịu thật*”, tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá:

- Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngót cơn cười mới bình tĩnh nói:

- Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.
- Thì ông cứ nói đi.
- Làng Bảo An, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng Khánh, Thành Thái đến giờ, ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cày cục mãi đến ngoài bốn năm mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới 38 tuổi đã làm Tri phủ.

Tôi làm như không để ý gật gật nhìn anh ta, kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đông Mỹ, đông giáp làng Xuân Đài, hai làng này đều có Tổng đốc, mà làng tôi, thi đỗ thì đông, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thuở Tự Đức ông Nguyễn Duy Tự, làm đến Phủ doãn Thừa Thiên, ông nội tôi làm đến Án sát Khánh Hoà, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thuỷ, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đanh thép lắm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của người viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét. Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đôn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn *Thương Sơn thi tập* không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi:

- Ông cũng có sách này à? Nó là một bộ đến mười cuốn, sao ở đây chỉ còn một cuốn?
- Tôi có mà tôi xé để quần thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quyển, quần thuốc tốt lắm.
- Ông có xem qua chứ?
- Thơ của ông Hoàng mình xem thế nào được? Tôi chỉ xem được có mỗi một bài ‘Mại trúc diêu’.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ *Thương Sơn* rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài “Mại trúc diêu” là bài thế nào, tôi có biết đâu? Chỉ vì dấu dốt, tôi lại cứ làm tinh, không hỏi anh ta. Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ *Thương Sơn* ra tìm, tìm được bài “Mại trúc diêu”. Về sau, tôi dịch ra đăng báo *Phụ nữ Tân văn*, sau nữa, đem in trong *Chương Dân thi thoại*. Lọc ra đây để bạn đọc thường thức cái mức thường thức văn học của anh thợ bạc:

Bài hát bán tre

*Ngày đốn hai cây trúc
Bán đi để dẫn bụng
Trong cửa tre đầy kho
Ngoài cửa tiền chẳng cho
Không nói thì cũng khổ
Nói thì roi dài sẽ quật chú
Rày về sau đùng đốn tre nữa
Đói nằm trong tre chết cũng đủ!*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này:

- *Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.*

Anh ta làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm luôn thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kìm, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bễ rèn, ngồi mà tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều người biết, cái kìm của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà Nội, về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi. Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quở:

- *Mày gọi thẳng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì?*

Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là “Ông Năm Chuột”.

PHAN KHÔI

* **NẮNG CHIỀU**

Lời soạn giả: *“Nắng chiều” là tên một tập sách cụ Phan mới viết gần đây, nhưng vì chính quyền miền Bắc cấm, không cho phép xuất bản nên chúng tôi không thể nào kiếm được bản chính. May nhờ có bài đã kích cuốn sách ấy đăng trong báo Văn nghệ số 15, xuất bản trong tháng 8-1958, nên chúng ta có thể biết những nét chính về tác phẩm sau cùng của cụ Phan. Chúng tôi xin trích nguyên văn bài báo đã kích để tạm thời thay thế cho bản chính không có.*

Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi

Đoàn Giỏi

Tháng 12-1957, Phan Khôi đưa đến nhà xuất bản Hội Nhà văn một xấp bản thảo dày, bên ngoài đề hai chữ *Nắng chiều*. Cái nhan đề gọi nhiều man mác băng khuâng ấy, chứa đựng bên trong một nội dung gì? Người có thể nghĩ rằng đây là kết quả sáng tác vào những ngày gần cuối, lúc tuổi trời đã xế của Phan Khôi. Nó gồm nhiều bài bút ký, tạp văn viết từ đầu kháng chiến ở Việt Bắc đến hoà bình lập lại, và mấy bài viết sau khi về thủ đô.

Vào đầu, Phan Khôi ghi lại đời sống của những người nuôi vịt, cách chăm, cách lấy trứng v.v... gọi theo tiếng miền Nam là “Cầm vịt”. Cuộc sống phiêu lưu, nay ở vùng này mai ở vùng khác, chủ cũng như người làm công, đều làm lụng cực khổ như nhau, ăn uống có thịt gà như nhau, không có chi là phân biệt đối xử, không ai bóc lột ai cả.

“Tôi thấy làm cái nghề này tuy vất vả mà ăn ở như thế thì đầy đủ lắm, giữa chủ và bạn cũng không có chi khác nhau. Ông chủ nói rằng nếu không thế thì không thuê được người, chẳng những phải trả tiền thuê mỗi tháng mà cuối mùa còn phải chia hoa hồng cho anh em nữa, vì thế, tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy.”

Quả như thế, thì xã hội này, vấn đề đấu tranh giai cấp, quan hệ giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, quan hệ giữa chủ và người làm công đặt ra cho có chuyện chẳng? Chủ và khách quý và người làm công cùng ngồi uống chè Tân Cương, mua tận bên Thái, nói chuyện tự do mang sẵn gà theo để thay đổi thức ăn cho người làm công khỏi chán, chẳng những trả tiền công mỗi tháng mà cuối mùa còn chi hoa hồng cho người làm công: *“Tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy.”*

Ở ngay bài đầu Phan Khôi muốn đặt một vấn đề gì? Phải chăng, Phan Khôi muốn đánh vào một vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin? Xã hội không có đấu tranh giai cấp, không có chuyện ai bóc lột sức lao động của ai cả.

Tiếp theo là bài “Tiếng chim”. Phan Khôi dẫn ra một số chuyện cổ tích về một vài giống chim ở Việt Bắc, hình dáng, tiếng kêu của nó v.v... Trong đó phần chính nói về con quạ. Ở một đoạn Phan Khôi viết:

“Một lần ở Cần Nhân, tôi ngồi nơi nhà sàn, thấy hai con quạ rình bắt gà con, một con bắt được bay ra đứng ở bờ ruộng, xé con gà ra ăn; còn con kia bị gà mẹ chống cự, bắt không được cũng bay đi tuốt, nó không hề nói: ‘Mày phải cho tao với!’.”

Vấn đề thứ nhất Phan Khôi đặt ra là không có người bóc lột người. Vấn đề thứ hai là của ai người này ăn. Cho đến thứ quạ kia còn biết giành giật cái miếng không phải của nó là không ổn, và không hề nói: “Mày phải chia cho tao với”. Phan Khôi mỉa mai, xuyên tạc vấn đề đấu tranh giai cấp là một sự đòi chia phần của kẻ khác.

Đến bài “Cây Cộng sản”. **Bài này đã lột trần ra tư tưởng chống cộng của Phan Khôi.** Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại để thấy rõ rằng đó là một tư tưởng phản động có hệ thống của Phan Khôi, chứ không phải là bất mãn, hằn học với một vài cá nhân lãnh đạo sai lầm như có người lầm tưởng. Phan Khôi trước kia đã từng viết báo khinh miệt chế giễu “*phong trào cộng sản giống như đống lửa rơm*” và đã cho Sô-viết Nghệ An là “*cái loạn cộng sản*”. Sau Cải cách ruộng đất, lúc cán bộ ta đang tích cực sửa chữa những sai lầm khuyết điểm thì lúc nào gặp đồng bọn, Phan Khôi cũng hỏi: “Tình hình thế nào? Có chuyện gì lạ không?”. Rồi cả bọn tranh nhau nói xấu Cải cách ruộng đất, và mong cho ta đừng sửa sai được. Phan Khôi lần nào nghe xong cũng cười thích chí. Y đọc ngay hai câu ca dao: “*Bao giờ có được tự do/ Ngày nay Đảng đã thay vua trị vì*” và nói là của đồng bào đầu trong Khu Tư.

Một lần, ở nhà Minh Đức, trong một cuộc họp bàn bạc để in một số thơ giữa bọn chúng với nhau, Phan Khôi khoe rằng mới sưu tầm hai câu ca dao nữa: “*Cộng sản ở tại nước Nga/ Chính danh thủ phạm tên là Lê-nin*”. Liền lúc ấy, bọn họ làm một bài thơ “kịp thời” tên là “**cây cau**”, khen Phan Khôi người “**trung thực, tiết tháo**” **thẳng như cây cau, càng già càng cứng, giông bão chỉ làm cong thôi chứ không thể bẻ gãy được.**

Trở lại bài “Cây Cộng sản”, ngay câu đầu, Phan Khôi đã chỉ ngay vào Việt Bắc, quê hương cách mạng: “*Có một thứ thực vật nữa cũng như sen Nhật bản, ở xứ ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy, chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt Bắc, không chỗ nào là không có.*” Đầu tiên, Phan Khôi thấy nó rải rác mấy nơi ở tỉnh Phú Thọ, và nhiều nhất là ở Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nó mọc trên thị trấn bị ta phá hoại “như rừng, ken kít nhau”. Nơi gọi là “Cỏ Bù-xít” vì nó có mùi hôi như con bọ xít, nơi gọi là “Cây Cứt lợn”, nơi gọi là “Cây Chó đẻ”. Tên đều không nhả tí nào hết, thứ cây ấy những người có học không gọi bằng Cây Cứt lợn đại, mà gọi bằng Cây Cộng sản. Phan Khôi bịa rằng trước kia xứ ta không có cây này (cứt lợn đại), người Pháp mang đến trồng ở các đồn điền cà phê, cao su, để che đất cho mát gốc.

“*Không mấy lâu rồi nó mọc đầy cả đồn điền, trừ khử không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với Đông Dương Cộng sản Đảng bắt đầu hoạt động, phong trào cộng sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khử được như thứ cây ấy cho nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là “herbe communiste”, đáng lẽ dịch là Cỏ Cộng sản, nhưng nhiều người gọi là Cây Cộng sản. Nó còn một tên nữa rất lạ...*”

Phan Khôi bịa ra rằng y gặp một ông già người Thổ:

“*Hỏi ông tên nó là cây gì, ông nói tên nó là “Cỏ cụ Hồ”. Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách mạng, thì thấy thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá đồi đồng, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thì gọi nó như vậy.*”

Tại sao Phan Khôi đem Cây Cứt lợn, cũng gọi là Chó đẻ, là Bọ xít, “toàn những tên không nhả tí nào hết” để gọi nó là Cây Cộng sản, và Cỏ cụ Hồ? Cái con người vẫn tự cho mình là học giả, bản chất phản phúc, con người đã đưa ra thứ triết lý “con chó thì phải ăn cứt” thì việc mượn tên xấu của một giống cây cỏ, để xô xiên nói móc chửi cạnh chửi khoe cộng sản là cái sở trường của y!

Phần thứ hai là tạp văn, ngoài đầu, Phan Khôi có viết:

“*Cả hai phần đều có một ít bài mà mấy người đọc qua, cho là giống như truyện ngắn. Nếu có vậy nữa thì tôi cũng không biết làm sao được. Tôi chỉ ghi chép sự thực chứ không hề viết tiểu thuyết.*”

“Sự thực” mà Phan Khôi ghi chép, là những sự thực gì? Là những “sự thực” kiểu Năm Chuột.

Mở đầu phần này là “Thái Văn Thu”, Thái Văn Thu là tên một thằng ăn trộm trùng tên với một nhân vật trong *Thủy hử*, mà Phan Khôi quen biết và kính phục hẳn đã lâu, nay mới có dịp chép lại... Phan Khôi kể lúc y “bị tù Văn Thân” bọn Pháp có đưa vào giam chung một anh có tướng học trò – can vào tội ăn trộm của Tây.

“Theo lời Thu thì nhà hắn cũng đủ ăn, hắn đi ăn trộm không phải vì túng thiếu mà không muốn làm nghề gì hết. Cái nhân sinh quan hắn đại khái là người annam phải làm giặc, đánh Tây mà không làm được, thì đi ăn trộm, ăn trộm của Tây.”

Có phải đó chính là nhân sinh quan, tư tưởng của Phan Khôi đã bộc lộ trần tráo như trên kia chăng? Phan Khôi còn mượn lời Thu để phê bình Phan Chu Trinh, bảo cụ đi sai đường, “nói phải, nói không với Tây làm chi, đưa điều trần cho Toàn quyền làm chi để bây giờ nó đầy đi Côn Đảo?”. Và cũng mượn lời Thu để Phan Khôi tỏ rõ quan điểm của y từ trước đến nay không tán thành sự đấu tranh chống Pháp:

Thu tùm tùm cười nói về chúng tôi: “Các thầy cũng vậy. Giá như Thu này ở tù cho đáng, các thầy ở tù không đáng”. Thu kể một vụ ăn trộm ở nhà Tây và biểu diễn vài môn nghề khiến Phan Khôi rất phục. Sau đó, nhân một trận bão, tù phá ngục ra. Có trát sức nã, đặc biệt là nghiêm nã Thái Văn Thu, tên cầm đầu. “*Nhưng có người nói với tôi, có phải phá ngục gì đâu, bão từ sáng đến chiều, không đưa cơm vào, đói thì họ mở cửa họ ra, chứ có phá phách gì?”*

Phan Khôi viết truyện này với một thâm ý gì? Chúng ta cứ liên hệ đến tình hình văn nghệ sau lớp học 18 ngày, sẽ thấy Phan Khôi hiện lên nguyên hình trong Thái Văn Thu.

“Khi gió càng ngày càng to, quá giờ ăn đã lâu rồi mà cơm không có. Thu đứng ra diễn thuyết bảo anh em cứ đi ra. Không tội chi mà nhịn đói. Rồi tự tay lấy chìa khoá mở cửa, đội đê lao và lính canh không dám cản lại, cả mấy trăm người đều đi theo Thu đi ra hết.”

Nhân lúc Cải cách mắc sai lầm nghiêm trọng, cán bộ ta đang tích cực sửa sai thì, trong giới văn nghệ, bọn đầu cơ Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi đứng lên đá vào lãnh đạo văn nghệ. Trong cuộc họp tổng kết lớp 18 ngày Phan Khôi đứng lên phản đối đồng chí Tố Hữu và sau đó Phan Khôi cùng một nhóm Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt v.v... tập họp lại ra báo *Nhân văn*. Chính Hoàng Cầm đã tự thú: Ban đầu Phan Khôi định đặt tên báo là *Cái chổi*, là *Thượng vàng hạ cám* đều không ổn... tên *Nhân văn* là do Nguyễn Hữu Đang tìm ra sau.

Phan Khôi nói rằng: “Nếu chỉ ra báo văn nghệ không thì hẹp lắm. Bây giờ nhiều vấn đề lắm. Phải làm báo văn hoá xã hội. Tôi còn gọi là chính trị nữa. Tôi sẽ còn nói về nhiều vấn đề thế giới...” Xưa nay, Phan Khôi vẫn lấy làm ngông nghênh khoái trá ở chỗ hẳn xô xiên, nói móc nói cạnh ta mà ta không làm gì được hắn: “Ăn trộm, không bắt được, mọi người biết cả nên cũng không giấu.”

Báo *Nhân văn* bị quần chúng phản đối, công nhân không in, mọi người yêu cầu chính phủ phải đóng cửa để ngăn chặn sự nguy hại của nó. Bọn *Nhân văn* đã rêu rao lúc bấy giờ:

- “Gọi cả làng ra đánh một con chuột”,
- “Giết con chim sẻ không cần dùng đến dao mổ trâu”,
- “Ăn cướp chỉ đồng người vào hùa với nhau, ỷ thế đánh người lấy của, là khiếp nhục”.

Phan Khôi đã gọi phong trào Sô-viết Nghệ An là “cái loạn cộng sản”, đã nói rằng: “Chính danh thủ phạm tên là Lê-nin” cũng là những người làm loạn lớn mà kết tội hẳn là một người loạn nhỏ. Viết bài này, Phan Khôi đã hiện nguyên hình trong tên ăn trộm Thái Văn Thu mà y hết sức tán dương, đề cao. Cũng như kể đó là bài “Ông Năm Chuột”. Phan Khôi mượn lời xảo hoạt, ranh vặt của một tên thợ bạc gian hùng nghiện ngập để đòi trả văn nghệ cho văn nghệ, trả chuyên môn cho chuyên môn. Văn nghệ chuyên môn phải tách rời chính trị. Bọn phá hoại tờ-rốt-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo, bọn Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi cùng bè lũ chống Đảng đã hợp xướng điệp khúc của Năm Chuột:

“Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói. Tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.”

Truyện thứ ba là “Chuyện ba ông vua Kiền Long, Quang Trung và Chiêu Thống”.

Trước kia, lúc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, quân Nhật vào Đông Dương, chủ nghĩa phát-xít vươn móng sắt ra để dọa nhân dân ta, Đảng Cộng sản đã kêu gọi mọi người chống Pháp đuổi Nhật, dùng những gương anh hùng liệt nữ xưa động viên lòng ái quốc của đồng bào, thì bọn tờ-rốt-kít cũng đã giở cái thủ đoạn của Phan Khôi ngày nay là xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ Hai Bà Trưng, cho rằng Hai Bà Trưng chống phong kiến Trung Quốc cũng như Trung Quốc chống Nhật bây giờ là trái qui luật tiến hoá của loài người... Và đưa luận điệu “Nhật không vào Đông Dương” để làm lạc hướng đấu tranh của nhân dân v.v...

Phan Khôi đưa ra chuyện “Ba ông vua” này nhằm xuyên tạc và đả vào tình đoàn kết quốc tế, tình hữu ái giai cấp của nhân dân ta và Trung Quốc, theo đúng cái hướng đả vào Liên-sô, Trung Quốc của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm hiện nay. Đây là bài dài nhất trong toàn tập, Phan Khôi trích dẫn nhiều sách, nhiều tài liệu suy diễn lung tung. Xin chỉ lược ra đây mấy câu, để thấy cái xương sống của bài ấy, và cái tâm thuật xảo quyệt của Phan Khôi:

*“Ý tôi cốt muốn cho người đọc qua sẽ thấy ngay ba ông ấy **một ông là đều giả, một ông là quay quắt, một ông là khờ khạo**. Tư cách ba người thấy chung trong một tiệc. Và lại cũng thấy được rất rõ ràng trong bọn vua chúa phong kiến, giữa thiên tử với chư hầu, **bề ngoài làm bộ nhân nghĩa trung thuận, quang minh chính đại lăm lăm, mà bề trong không khác gì một tụi buôn hàng xách, một tụi ba que xỏ lá gặp nhau**, đưa nào gian ngoan thì chiếm phần thắng, đưa nào ngu đần thì chịu thiệt.”*

Có thể có người nhẹ dạ tin và cho là Phan Khôi viết bài này, nhằm đả vào bọn phong kiến, bọn vua chúa ngày xưa. Can chi đến ta mà vợ lấy, vạ vào. Không phải thế. Phan Khôi đã từng tuyên bố:

“Nước Việt Nam ta làm gì có phong kiến? Đánh đổ phong kiến chỉ là câu chuyện bịa đặt vu vơ...” thì đả vào phong kiến, không thể có được.

Cái dã tâm của Phan Khôi muốn gợi lại hận thù dân tộc cũ (Mãn Thanh bắt Chiêu Thống và bọn tòng vong cạo đầu thắt bím, đày đi v.v...) và so sách cái quan hệ ngoại giao giữa Quang Trung và Kiền Long ngày xưa không khác gì quan hệ hữu nghị giữa ta và Trung Quốc ngày nay, “*một con cáo và một con sói đồng tình vật chết một con dê*”. Nhân dân ta và nhân dân Trung Quốc đoàn kết trên cơ sở thống nhất về những quan điểm chung của chủ nghĩa Mác Lê-nin.

Phan Khôi cho rằng Trung Quốc ngày nay cũng chỉ là một thứ kiểu xâm lược như Mãn Thanh xưa. Chẳng vậy, sao khi sang thăm Trung Quốc, trong cuộc triển lãm kỹ nghệ ở Mãn Châu, Phan Khôi đã phát biểu: “*Theo tôi nghĩ thì nước ngoài phục Trung Quốc không phải vì chủ nghĩa cộng sản mà vì nền kỹ nghệ Trung Quốc. Ngày kia Trung Quốc sẽ chiếm thị trường thế giới*”.

Ờ bài “Giới thiệu Nguyễn Trường Tộ” càng lộ ra trắng trợn cái ý Phan Khôi muốn so sánh chế độ ta với cái triều đại ngày xưa. Không khác gì thời đại chuyên chế hồi Gia Long. Nước Việt Nam ngày nay cũng là triều đại gì đó; người ta đặt bài viết cho báo tất nhiên phải có yêu cầu của toà soạn, y cũng gọi “Cụ Đồ Chiểu ơi, Cụ Đồ Chiểu!” bù lu bù loa đấm ngực nói rằng bảy tám mươi năm sau cũng không khác gì ngày xưa. Đưa Nguyễn Trường Tộ ra trong bài này vừa khen vừa chê – một mặt để tỏ rằng “cậu tú Phan Khôi” hơn “danh Tộ” nhiều, một mặt là đả vào chế độ ta. Nguyễn Trường Tộ, đi đạo Thiên Chúa (từ đời cha) sau vì Tự Đức cấm đạo, Tộ theo một linh mục sang Pháp và lưu học ở Paris. Năm 33 tuổi trở về, có đăng nhiều bài điều trần yêu cầu cải cách nhiều vấn đề trong nước. Tộ là người tin Đạo, coi Đức Chúa Trời là chủ vạn vật và cũng đồng thời rất tôn trọng Nho giáo. Phan Khôi nói rằng: “Người có tài như thế, sinh gặp thời cần dùng cái tài ấy, mà không thi thố gì được, ôm mối thất vọng mà chết là vì lẽ gì?”

Phan Khôi cho Tự Đức là một ông vua nhu nhược, làm việc gì cũng sợ, không dám làm mà lại coi mình là thần thánh, khinh người.

“Tự Đức có phê vào một bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ do quan tỉnh dâng lên, một câu: ‘Dùng được đấy, hay là cho nó một chức quan để lấy lòng nó, dùng sức nó.’ – ‘Một chức quan! Ông ấy tưởng người ta bấu cái chức quan của ông ấy lăm đấy!’”

Tại sao Phan Khôi hần học đến như vậy? Bởi vì:

“Vua thì như thế, còn đám quan liêu từ triều đình đến ở các tỉnh phần nhiều là hủ nho, đám sĩ phu ở dân gian càng đông hơn, cũng đều là hủ nho, dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay họ, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi, thì còn ai mà làm gì được?”

Chúng ta có nắm và giữ lấy quyền lợi một nước không? Có. Nhiệm vụ của cách mạng, của vô sản chuyên chính đề rõ yêu cầu phải chuyên chính đối với bọn giai cấp bóc lột, đối với bọn đi ngược và phản lại quyền lợi dân tộc. Bọn chúng không thể có tự do trong chế độ ta, thử tự do áp bức bóc lột, tự do buôn lậu, đầu cơ tích trữ, tự do cấu kết với phần tử phản động trong nước và bọn đế quốc ngoài nước để phá rối trật tự xã hội, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, xây dựng lại chế độ phong kiến và thực dân đã bị nhân dân đánh đổ.

Phan Khôi nói: *“Không phải đợi đến ngày nay, từ trước chúng ta cũng đã biết rằng có tại làm sao... người ta mới giấu đình giấu điền, trốn lính!”*. Trong thời đại phong kiến, dưới chế độ thực dân Pháp, người ta làm như thế là đúng. Người ta không muốn đóng góp phục vụ cho bọn thống trị, chỉ có mục đích vơ vét cho vào túi chúng. Dưới chế độ ta, những người khai man diện tích ruộng đất, không đi dân công, trốn thuế công thương, không thi hành nghĩa vụ quân sự thì chỉ là những kẻ ích kỷ sâu mọt của xã hội, những kẻ đào ngũ và chống chế độ.

Cũng cần nói vào mặt Phan Khôi rằng: Vì chính sách đoàn kết của Mặt trận Dân tộc, vì Đảng ta sẵn lòng quên những tội lỗi cũ của một người và tạo mọi điều kiện để đưa họ về con đường chính, vì lòng nhân của Đảng muốn nhặt những kẻ ở dưới bùn lên mà chùi rửa cho, giúp cho họ trở lại làm người, vì thế mà Phan Khôi vẫn được đãi ngộ rộng rãi, ăn lương nhân sĩ, không phải làm gì cả, viết hay dịch sách thì hưởng tiền nhuận bút. Để rồi chửi Đảng, chửi chế độ. “Một chức quan, ông ấy tưởng người ta báu cái chức quan của ông ấy lắm đấy”. Phan Khôi *ăn cháo đá bát*, hợm hĩnh, tự đánh giá mình là cao to, nhưng cái mặt thật của y không ai lạ gì. Phan Khôi chống lại cái chế độ đã cứu vớt cho mình, thì Phan Khôi rơi nguyên hình là một tên chống cách mạng.

Bây giờ – mà có phải mới bây giờ đâu – cái bộ mặt thật của Phan Khôi đã bị lột trần ra, cũng nhiều khi tự y lột trần ra. Phan Khôi là một tên giáo quyệt, phản phúc, một tên làm tay sai cho đế quốc, lợi dụng sự khoan hồng của cách mạng và chính sách đãi ngộ rất tốt của Đảng để chống lại Đảng, chống lại chế độ. Không có cơ hội thì nằm yên, dùng cách nói bóng nói gió, xuyên tạc xách mé; có cơ hội thì vùng lên ra mặt chống đối hằn hòi như thời kỳ tác quái của báo *Nhân văn*.

Lẻ tẻ từng lúc, từng bài, y lập lờ đánh tráo, vờ vịt để cho mọi người lầm tưởng rằng mình là một “học giả” một tay “lão thành cách mạng”, một người “ngay thẳng, bộc trực”, một “nhà văn khí tiết”. Do đó, cũng có đôi người bị mắc lừa. *Nhân văn-Giai phẩm* bị đánh tan bươm đầu hồi cuối năm 1956. Cả bọn rút vào bóng tối “phục xuống sáng tác”. Phan Khôi gom góp tất cả sáng tác của y, đem tàn lực hy vọng, có thể đánh được ta một đòn cuối cùng trước khi xuống lỗ. Y đặt tên tập sách là *Nặng chiều*. Ngờ đâu, chính tập sách này đã phơi bày rõ rệt nhất toàn bộ hệ thống tư tưởng phản động của Phan Khôi và cái năng quái ấy mới định kịp hừng lên, đã bị nhân dân làm cho tắt phụt!

Chỉ đứng riêng về phương diện văn học mà nói, Phan Khôi không còn chỗ đứng nữa, đã bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Chỗ đứng của y ở đâu, để cho y tự biết mà tự phong. Chưa nói đến hành động phá rối về chính trị, không thuộc về thẩm quyền kết luận của những người cầm bút như chúng ta.

Chú thích: Đoàn Giỏi bị kiểm thảo sau khi viết bài này và bị quy vào tội: vờ đã kích Phan Khôi để công bố những nét đại cương của một tác phẩm mà Đảng đã cấm không cho xuất bản.